

Bộ câu hỏi trắc nghiệm Toán 7 Bài tập ôn tập Chương 3 Đại Số 7 được chúng tôi sưu tầm và tổng hợp bao gồm những dạng câu hỏi trọng tâm và thường xuất hiện trong bài kiểm tra quan trọng. Mời các em học sinh và quý thầy cô giáo theo dõi chi tiết dưới đây.

Bộ 8 bài trắc nghiệm Toán 7: Bài tập ôn tập Chương 3 Đại Số 7

Câu 1: Điểm kiểm tra môn toán học kì I của 32 học sinh lớp 7A được ghi trong bảng sau:

7	5	4	6	6	4	6	5
8	8	2	6	4	8	5	6
9	8	4	7	9	5	5	5
7	2	7	5	5	8	6	10

1.1: Dấu hiệu điều tra là gì?

- A. Số học sinh của lớp 7A
- B. Tổng số điểm bài kiểm tra môn Toán của 32 học sinh lớp 7A
- C. Điểm bài kiểm tra môn Toán học kì I của mỗi học sinh lớp 7A
- D. Tất cả các đáp án trên đều sai.

1.2: Số các giá trị của dấu hiệu là :

- A. 10
- B. 36
- C. 18
- D. 32

1.3: Số các giá trị khác nhau của dấu hiệu là:

- A. 7

B. 8

C. 9

D. 10

1.4: Một của dấu hiệu là:

A. $M_0 = 5$

B. $M_0 = 6$

C. $M_0 = 8$

D. $M_0 = 10$

1.5: Tần số của điểm 8 là:

A. 4

B. 6

C. 5

D. 7

1.6: Số trung bình cộng là:

A. 6

B. 6,5

C. 7

D. 7,5

Câu 2: Theo dõi thời gian làm 1 bài toán (tính bằng phút) của lớp 7A, thầy giáo lập được bảng sau:

Thời gian x	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Tần số n	6	4	3	2	8	5	4	3	1

2.1: Số các giá trị khác nhau của dấu hiệu là

- A. 8
- B. 9
- C. 18
- D. 36

2.2: Số học sinh làm bài trong 6 phút là

- A. 8
- B. 4
- C. 5
- D. 3

2.3: Số trung bình cộng là:

- A. 7 phút
- B. 8 phút
- C. 7,5 phút
- D. 8,5 phút

2.4: Mốt của dấu hiệu là:

- A. 8

B. 4

C. 10

D. 12

Câu 3: Số điện tiêu thụ của các hộ gia đình ở một tổ dân phố được ghi lại trong bảng sau (tính theo kwh)

150	85	65	65	70	50
45	100	45	100	70	70
75	90	50	70	140	65
50	150	40	70	85	50
75	75	50	135	45	65

3.1: Dấu hiệu cần tìm hiểu là?

A. Số điện năng tiêu thụ của một hộ gia đình

B. Số điện năng tiêu thụ của toàn thành phố

C. Số điện năng tiêu thụ của mỗi hộ gia đình của một tổ dân phố

D. Tiền điện của tổ dân phố

3.2: Có bao nhiêu gia đình sử dụng điện?

A. 30

B. 31

C. 32

D. 33

3.3: Lập bảng tần số:

A.

Giá trị (x)	40	45	50	65	70	75	85	90	100	135	140	150	
Tần số (n)	1	3	5	4	5	3	2	1	2	1	1	2	N =32

B.

Giá trị (x)	40	45	50	65	70	75	85	90	100	135	140	150	
Tần số (n)	2	3	5	4	5	3	2	1	2	1	1	2	N =30

C.

Giá trị (x)	40	45	50	65	70	75	85	90	100	135	140	150	
Tần số (n)	1	3	5	4	5	3	2	1	2	1	1	2	N =30

D.

Giá trị (x)	40	45	50	65	70	75	85	90	100	135	140	150	
Tần số (n)	1	3	6	4	5	3	2	1	2	1	1	2	N =31

3.4: Chọn câu đúng nhất

- A. Điện năng tiêu thụ ít nhất của 1 hộ gia đình là 40 kW/h.
- B. Điện năng tiêu thụ nhiều nhất của 1 hộ gia đình là 150 kW/h.
- C. Số hộ sử dụng điện từ 50 kW/h đến 75 kW/h chiếm tỉ lệ cao.
- D. Cả A, B, C đều đúng.

3.5: Tính số trung bình cộng

- A. 75,5 Kw/h
- B. 77 Kw/h
- C. 76 Kw/h
- D. 76,5 Kw/h

Câu 4: Điều tra năng suất lúa xuân hạ tại 30 hợp tác xã trong một huyện người ta thu được bảng sau (tính theo tạ/ha)

30	35	45	40	35	35
35	30	45	30	40	45
35	40	40	45	35	30
40	40	40	35	45	30
45	40	35	45	45	40

4.1: Dấu hiệu ở đây là gì? Số các giá trị khác nhau là bao nhiêu?

- A. Dấu hiệu là năng suất lúa xuân tính theo tạ/ha. Có bốn giá trị khác nhau
- B. Dấu hiệu là năng suất lúa xuân tính theo tấn/ha. Có bốn giá trị khác nhau
- C. Dấu hiệu là năng suất lúa xuân. Có ba giá trị khác nhau
- D. Dấu hiệu là năng suất lúa xuân tính theo tạ/ha. Có năm giá trị khác nhau

4.2: Tìm mốt của dấu hiệu

- A. 40
- B. 35
- C. 45
- D. 30

4.3: Tính số trung bình cộng

- A. 39,5 tạ /ha
- B. 37 tạ /ha
- C. 38 tạ /ha
- D. 38,3 tạ /ha

Câu 5: Dưới đây là biểu đồ thống kê số giày bán được của một cửa hàng giày trẻ em trong tháng 12/2019 (đơn vị: đôi giày)



5.1: Cửa hàng đó bán được bao nhiêu đôi giày trong tháng 12/2019?

- A. 120
- B. 500
- C. 540
- D. 450

5.2: Tìm một cửa dấu hiệu

- A. $M_0 = 35$
- B. $M_0 = 34$
- C. $M_0 = 36$
- D. $M_0 = 33$

5.3: Tìm cỡ mẫu "đại diện"

- A. 33,19
- B. 34
- C. 34,19
- D. 33,91

Câu 6: Khối lượng của các bao gạo trong kho được ghi lại ở bảng tần số sau:

Giá trị (x)	40	45	50	55	60
Tần số (n)	9	7	6	n	8

Biết rằng khối lượng trung bình của các bao gạo là 52kg. Hãy tìm giá trị n

- A. $n = 33,5$
- B. $n = 34,5$
- C. $n = 35$
- D. $n = 34$

Câu 7: Cho bảng số liệu sau: Biết số các giá trị không nhỏ hơn 6 là 80. Tìm giá trị x; y

Giá trị (x)	Tần số (n)
2	x
4	15
6	28
8	30
10	y
	$N=100$

- A. $x = 5; y = 22$
- B. $x = 22; y = 15$
- C. $x = 17; y = 10$
- D. $x = 10; y = 17$

Câu 8: Cho bảng tần số sau

Giá trị (x)	15	18	22	24	x	
Tần số (n)	3	y	5	7	9	$N=35$

8.1: Tìm y và tìm một M_0 của dấu hiệu:

- A. $y = 11; M_0 = 24$
- B. $y = 10; M_0 = 18$
- C. $y = 11; M_0 = 18$
- D. $y = 9; M_0 = 18$

8.2: Tìm x , biết số trung bình cộng của dấu hiệu là 19

- A. $x = 18$
- B. $x = 16$

C. $x = 19$

D. $x = 25$

Đáp án 8 câu hỏi trắc nghiệm Toán 7 Bài tập ôn tập Chương 3 Đại Số 7

Câu 1.1:

Đáp án cần chọn là: C

Dấu hiệu điều tra là điểm bài kiểm tra môn Toán học kì I của mỗi học sinh lớp 7A.

Câu 1.2:

Đáp án cần chọn là: D

Có tất cả 32 giá trị của dấu hiệu.

Câu 1.3:

Đáp án cần chọn là: B

Có 8 giá trị khác nhau của dấu hiệu, đó là 2;4;5;6;7;8;9;10

Câu 1.4:

Đáp án cần chọn là: A

Từ bảng số liệu ban đầu ta lập được bảng “tần số” như sau:

Giá trị (x)	2	4	5	6	7	8	9	10	
Tần số (n)	2	4	8	6	4	5	2	1	N = 32

Từ bảng “tần số” ta thấy giá trị 5 điểm có tần số lớn nhất. Vậy

Câu 1.5:

Đáp án cần chọn là: C

Bảng tần số (theo câu trước)

Giá trị (x)	2	4	5	6	7	8	9	10	
Tần số (n)	2	4	8	6	4	5	2	1	N = 32

Quan sát bảng tần số ta có tần số của điểm 8 là 5.

Câu 1.6:

Đáp án cần chọn là: A

Từ bảng tần số

Giá trị (x)	2	4	5	6	7	8	9	10	
Tần số (n)	2	4	8	6	4	5	2	1	N = 32

Số trung bình cộng là:

$$\bar{X} = \frac{2.2 + 4.4 + 5.8 + 6.6 + 7.4 + 8.5 + 9.2 + 10.1}{32} = \frac{192}{32} = 6 \text{ (điểm)}$$

Câu 2.1:

Đáp án cần chọn là: B

Có 9 giá trị khác nhau của dấu hiệu thống kê, đó là 4;5;6;7;8;9;10;11;12.

Câu 2.2:

Đáp án cần chọn là: D

Số học sinh làm bài toán trong 6 phút là 3 bạn.

Câu 2.3:

Đáp án cần chọn là: C

Số trung bình cộng là:

$$\begin{aligned}\bar{X} &= \frac{4.6+5.4+6.3+7.2+8.8+9.5+10.4+11.3+12.1}{36} \\ &= \frac{270}{36} \\ &= 7,5 \text{ (phút)}\end{aligned}$$

Câu 2.4:

Đáp án cần chọn là: A

Số học sinh làm bài toán trong 8 phút chiếm tỉ lệ cao nhất (tần số là 8). Vậy $M_0 = 8$.

Câu 3.1:

Đáp án cần chọn là: C

Dấu hiệu ở đây là “Số điện năng tiêu thụ của mỗi hộ gia đình (tính bằng kW/h) của một tổ dân phố”

Câu 3.2:

Đáp án cần chọn là: A

Có 30 gia đình sử dụng điện.

Câu 3.3:

Đáp án cần chọn là: C

Bảng “tần số”

Câu 3.4:

Đáp án cần chọn là: D

Từ câu trước ta có bảng tần số sau

Giá trị (x)	40	45	50	65	70	75	85	90	100	135	140	150	
Tần số (n)	1	3	5	4	5	3	2	1	2	1	1	2	N =30

Từ đó

- + Điện năng tiêu thụ ít nhất của 1 hộ gia đình là 40 kW/h.
- + Điện năng tiêu thụ nhiều nhất của 1 hộ gia đình là 150 kW/h.
- + Số hộ sử dụng điện từ 50 kW/h đến 75 kW/h chiếm tỉ lệ cao.

Câu 3.5:

Đáp án cần chọn là: D

Bảng tần số (theo các câu trước)

Giá trị (x)	40	45	50	65	70	75	85	90	100	135	140	150	
Tần số (n)	1	3	5	4	5	3	2	1	2	1	1	2	N =30

Số trung bình cộng là:

$$\begin{aligned}\bar{X} &= \frac{40.1+45.3+50.3+65.4+70.5+75.3+85.2+90.1+100.2+135.1+140.1+150.2}{60} \\ &= \frac{2295}{30} = 76,5(\text{Kw/h})\end{aligned}$$

Câu 4.1:

Đáp án cần chọn là: A

Dấu hiệu là năng suất lúa xuân tính theo tạ/ha.

Có 4 giá trị khác nhau, đó là 30;35;40;45.

Câu 4.2:

Đáp án cần chọn là: A

Bảng tần số

Giá trị (x)	30	35	40	45	
Tần số (n)	5	8	9	8	N = 30

Giá trị $x = 40$ có tần số lớn nhất (tần số là 9). Vậy mốt của dấu hiệu là

Câu 4.3:

Đáp án cần chọn là: D

Bảng tần số

Giá trị (x)	30	35	40	45	
Tần số (n)	5	8	9	8	N = 30

Số trung bình cộng là:

$$\bar{X} = \frac{30.5 + 35.8 + 40.9 + 45.8}{30} = \frac{1150}{30} \approx 38,3 \text{ (tạ /ha)}$$

Vậy năng suất lúa xuân trung bình của toàn huyện vào khoảng 38,3 tạ/ha.

Câu 5.1:

Đáp án cần chọn là: C

Cửa hàng đó bán được tất cả số đôi giày là:

$$30 + 60 + 95 + 110 + 120 + 85 + 40 = 540 \text{ (đôi giày)}$$

Câu 5.2:

Đáp án cần chọn là: B

Bảng “tần số”

Cỡ giày	30	31	32	33	34	35	36	
Số giày đã bán	30	60	95	110	120	85	40	N = 540

Từ bảng tần số ta thấy cỡ giày 34 bán được nhiều nhất (120 đôi). Vậy mốt của dấu hiệu là: $M_0 = 34$

Câu 5.3:

Đáp án cần chọn là: A

Bảng “tần số”

Cỡ giày	30	31	32	33	34	35	36	
Số giày đã bán	30	60	95	110	120	85	40	N = 540

Cỡ giày “đại diện” chính là số trung bình cộng.

Vậy cỡ giày đại diện là:

$$\begin{aligned}\bar{X} &= \frac{30.30 + 31.60 + 32.95 + 33.110 + 34.120 + 35.85 + 36.40}{540} \\ &= \frac{17925}{540} \\ &\approx 33,19\end{aligned}$$

Câu 6:

Đáp án cần chọn là: C

Theo đề bài ta có:

$$\begin{aligned}\frac{40.9 + 45.7 + 50.6 + 55.n + 60.8}{9 + 7 + 6 + n + 8} &= 52 \\ \Rightarrow \frac{1455 + 55.n}{30 + n} &= 52 \\ \Rightarrow 1455 + 55.n &= 52.(30 + n) \\ \Rightarrow 55.n - 52.n &= 1560 - 1455 \\ \Rightarrow 3.n &= 105 \\ \Rightarrow n &= 35 \\ \text{Vậy } n &= 35\end{aligned}$$

Câu 7:

Đáp án cần chọn là: A

Số các giá trị không nhỏ hơn 6 là: $28 + 30 + y = 58 + y$

Mà số các giá trị không nhỏ hơn 6 là 80 giá trị nên:

$$58 + y = 80 \Leftrightarrow y = 80 - 58 \Leftrightarrow y = 22$$

Theo bài:

$$N = 100 \Leftrightarrow x + 15 + 28 + 30 + 22 = 100 \Leftrightarrow x + 95 = 100 \Leftrightarrow x = 100 - 95 = 5$$

Vậy $x = 5$; $y = 22$.

Câu 8.1:

Đáp án cần chọn là: C

Theo bài ra, ta có:

$$N = 35$$

$$\Leftrightarrow 3 + y + 5 + 7 + 9 = 35$$

$$\Leftrightarrow 24 + y = 35$$

$$\Leftrightarrow y = 35 - 24 = 11$$

Với $y = 11$ thì giá trị 18 thì có tần số lớn nhất là 11

Do đó, một của dấu hiệu là $M_0 = 18$

Câu 8.2:

Đáp án cần chọn là: B

Ta có $y = 11$ (theo câu trước)

Theo bài ra thì số trung bình cộng của dấu hiệu là 19 nên:

$$\frac{15.3+18.11+22.5+24.7+9x}{35} = 19$$

$$\Leftrightarrow \frac{521+9x}{35} = 19$$

$$\Leftrightarrow 521+9x = 665$$

$$\Leftrightarrow 9x = 144$$

$$\Leftrightarrow x = 16$$

Vậy $x = 16$

Vậy $x = 16$